

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày 30 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023;

Đối với các bị cáo:

1. **Tổng Bá C**, sinh ngày 02/4/1993 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tổng Bá Q và bà Hà Thị N; Có vợ là Vương Thị Kim T và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/11/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 790/2017/HSPT, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/4/2018; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay; Có mặt.

2. **Trần Tiến D**, sinh ngày 15/4/2007 tại: Thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự:

Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay. Có mặt.

3. **Nguyễn Hữu A**, sinh ngày 16/10/2003 tại: Xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu N1 và bà Bùi Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay; Có mặt.

4. **Lê Nam A1**, sinh ngày 13/02/1997 tại: Thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D1 và bà Đào Thị Giang H1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2022 đến nay; Có mặt.

5. **Quách Anh T2**, sinh ngày 20/10/2002 tại: Xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định; Con bà Quách Thị L1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến nay; Có mặt.

6. **Vũ Văn C1**, sinh ngày 01/02/1985 tại: Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Số nhà F D, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn H2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2; Có vợ là Trần Thị N2 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 29/4/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

- Ngày 13/3/2007 bị Công an Thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau hoặc xúi dục người khác đánh nhau”;

- Ngày 14/5/2007 bị Chủ tịch UBND tỉnh T quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng về hành vi “Xâm hại sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân” theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến nay; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Tiến D*: Ông Trịnh Đình H3 - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu A*: Bà Hoàng Thị T3 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Nam A1*: Ông Nguyễn Trung K – Luật sư, Văn phòng L4; địa chỉ: Phố N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Tiến D:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985, địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đỗ Hữu T4, sinh năm 1978, địa chỉ: Số H C, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Lê Minh H4, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Đình M, sinh năm 1989, địa chỉ: Phố Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Phạm Văn T5, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Hà Thị Mỹ H5, sinh năm 2004, địa chỉ: Khu phố C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Vương Thị Kim T, sinh năm 2003, địa chỉ: Khu phố C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

5. Phạm Thị V, sinh năm 1997, địa chỉ: Khu phố C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

6. Trịnh Bá H6, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

7. Trịnh Lê H7, sinh năm 1980, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

8. Nguyễn Mạnh H8, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

9. Hà Thị Thanh T6, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

10. Lê Thị Phương A2, sinh năm 2005, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

11. Trần Ngọc T7, sinh năm 1960, địa chỉ: Khu phố D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

12. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957, địa chỉ: Số nhà F D, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

13. Trần Thị N2, sinh năm 1985, địa chỉ: Số nhà F D, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

14. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1944, địa chỉ: Số nhà F N, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 08 giờ 15 phút ngày 27/9/2022, tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an thị trấn S, huyện T tiến hành kiểm tra hành chính quán K2 ở khu phố B, thị trấn S, huyện T do Lê Nam A1 thuê lại và là người quản lý, phát hiện Trần Tiến D đang cất dấu tại phòng nghỉ 201 quán K2 06 viên nén màu hồng; D khai báo đây là loại ma túy hồng phiên, D cất dấu để bán cho khách kiếm lời. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

- 02 túi ni lông màu trắng, trong đó 01 túi chứa 01 viên nén màu hồng, 01 túi chứa 05 viên nén màu hồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A20S màu xanh, gắn sim số 0928.868.991(đã qua sử dụng).

Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi làm việc của D tại quán K2 và nơi ở của D tại khu phố T, thị trấn S, huyện T nhưng không thu giữ được gì.

Về nguồn gốc số ma túy trên D khai báo là của Tống Bá C, sinh năm 1993, trú tại khu phố C, T và của Lê Nam A1 đưa cho D để đi bán cho khách kiếm lời.

Cùng ngày 27/9/2022 Tống Bá C đã đến Công an huyện T đầu thú khai báo về hành vi phạm tội của mình và giao nộp gồm:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu trắng, đã qua sử dụng, gắn Biển kiểm soát: 36D1-375.60, là xe C sử dụng để đi mua bán ma túy.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Tống Bá C, cơ quan điều tra đã thu giữ đồ vật, tài liệu gồm:

- 04 túi ni lông màu trắng, phần mép túi có viền chỉ màu xanh, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng;

- 01 viên nén hình tròn màu xanh có ký hiệu chữ A và 01 mảnh chất nén màu hồng;

- 01 gói ni lông màu trắng, bên ngoài bọc băng dính màu đen, bên trong có chứa 05 viên nén màu hồng hình tròn, trên bề mặt có chữ “WY”;

- 01 túi ni lông màu trắng có viền chỉ màu đỏ, bên trong có chứa 05 viên nén hình kim cương màu tím và các mảnh chất vụn màu tím;

- 01 cân tiểu ly màu đen, đã qua sử dụng không có nhãn hiệu;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone7 Plus đã qua sử dụng, gắn sim số 0901710998 của Tống Bá C;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2027 đã qua sử dụng, không gắn thẻ sim;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim số 0364.374.019;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, đã qua sử dụng, gắn sim số 0396.663.857;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1208 màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim số 0585.752.216.

Về nguồn gốc ma túy (thuốc lắc, ketamin) Công khai mua của Vũ Văn C1, trú tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, đồng thời C còn khai nhận ngoài Trần Tiến D trước đây đã bán ma túy hộ C còn có Nguyễn Hữu A và Quách Anh T2 là hai người đã tham gia bán ma túy hộ C.

Trong cùng ngày 27/9/2022 lần lượt Nguyễn Hữu A và Quách Anh T2 đã đến Công an huyện T đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Đến 07 giờ 30 phút ngày 28/9/2022, Lê Nam A1 đến Công an huyện T đầu thú khai nhận việc hành vi đã bàn bạc cùng Trần Tiến D trong việc mua ma túy về giao cho D đi bán cho khách nhằm kiếm lời.

Khám xét nơi ở và làm việc tại quán K2 của N thuê lại, không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Đến 23 giờ 45 phút ngày 28/9/2022 Công an huyện T đã phối hợp với Công an thị trấn S, huyện T bắt quả tang Vũ Văn C1, sinh năm 1985, trú tại số F D, phường P, Thành phố T đang có hành vi cất dấu ma túy để bán cho người khác tại khu phố X, thị trấn S, huyện T, đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

- 01 túi ni lông màu trắng có in dòng chữ “Bidiphar”, Dược phẩm B, bên trong có 10 gói ni lông màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng và 14 viên nén hình đầu hổ màu tím.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, gắn sim số 0979.528.663.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K40 Gaming màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim số 0989.045.989.

- 01 thẻ ATM ngân hàng M3 màu xanh, mang tên Vũ Văn C1;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia morning màu bạc, gắn biển kiểm soát: 36A - 180.90, xe đã qua sử dụng.

Khám xét nơi ở của C1 và kiểm tra xe ô tô của C1 không thu giữ được thêm đồ vật, tài liệu gì.

C1 khai nhận số ma túy trên, C1 mua của Đỗ Hữu T4, trú tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; C1 sử dụng số điện thoại 0842.628.808 và sử dụng tại khoản ngân hàng M3 số 3345197899999 để chuyển tiền mua ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định người đàn ông nói trên là Đỗ Hữu T4, sinh năm 1978, nơi ĐKKHKT: Số H C, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: Số nhà B T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Hữu T4 thu giữ đồ vật, tài liệu gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng, gắn sim số 0916.311.313;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215 màu xanh, đã qua sử dụng, không gắn thẻ sim;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216 màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim số 0917.673.036.

Toán bộ số ma túy, thu giữ được của D, C, C1 đã được niêm phong theo đúng quy định.

Tiến hành xét nghiệm các chất gây nghiện, xác định các D, C, A và T4 dương tính với chất ma túy.

Ngày 27/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 275/CSĐT, giám định đối với mẫu vật được niêm phong thu giữ tại quán K2 và nhà ở của Tống Bá C, trong phong bì ký hiệu M và M1. Tại Kết luận giám định số 3389/KL-KTHS ngày 03/10/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận:

- 01 túi ni lông màu trắng bên trong có 01 viên nén màu hồng, khối lượng 0,098g (không thấy không chín tam gam), là ma túy, loại *Menthamphetamine*”.

- 01 túi ni lông màu trắng bên trong có 05 viên nén màu hồng, có tổng khối lượng 0,509g (không thấy năm không chín gam), là ma túy, loại *Menthamphetamine*”.

- 01 túi ni lông màu trắng mép túi có hình màu đỏ, đựng 02 túi ni lông màu trắng mép túi có viền màu xanh, đều có kích thước (2x2)cm bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng. Tổng khối lượng 1,188g (một thấy một tám tám gam), là ma túy, loại *Ketamine*.

- 01 gói ni lông màu trắng bên trong có chứa 01 viên nén màu xanh, trên mặt viên nén có ký hiệu chữ A và 01 mảnh chất nén màu hồng, trong đó viên nén màu xanh có tổng khối lượng 0,096g (không thấy không chín sáu gam), là ma túy, loại *Menthamphetamine*”; khối lượng mảnh chất nén màu hồng là 0,045g (không thấy không bốn lăm gam) là ma túy, loại *Menthamphetamine*.

- 01 túi ni lông màu trắng mép túi có viền màu đỏ đựng 02 túi ni lông màu trắng mép túi có viền màu xanh, đều có kích thước (3x3)cm bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng. Tổng khối lượng 1,235g (một thấy hai ba năm gam), là ma túy loại *Ketamine*.

- 01 túi ni lông màu trắng mép túi có viền màu đỏ, bên trong có 05 viên nén hình kim cương màu tím và các mảnh vụn màu tím, có tổng khối lượng 2,399g (hai thấy ba chín chín gam), là ma túy, loại *MDMA*.

- 01 gói ni lông màu trắng, bên ngoài bọc bằng dính màu đen, bên trong có chứa 05 viên nén màu hồng hình tròn, trên bề mặt có chữ “WY”, có tổng khối lượng 0,473g (không thấy bốn bảy ba gam), là ma túy, loại *Menthamphetamine*.

Ngày 29/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 278/CSĐT, giám định đối với mẫu vật được niêm phong thu giữ của Vũ Văn C1 trong phong bì ký hiệu M2. Tại Kết luận giám định số 3409/KL-KTHS ngày 04/10/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận:

- 01 túi ni lông màu trắng có in dòng chữ “*Bidiphar*”, Dược phẩm Bình Định, trong đó:

+ 10 gói ni lông màu trắng chưa chắt tinh thể màu trắng, có tổng khối lượng là 6,377g (sáu phẩy ba bảy bảy gam) là ma túy, loại *Menthamphetamine*.

+ 14 viên nén hình đầu hổ màu tím, có tổng khối lượng là 6,242g (sáu phẩy hai bốn hai gam) là ma túy, loại *MDMA*.

*** Quá trình điều tra xác định:**

Vào đầu tháng 8 năm 2022, Tổng Bá C nảy sinh việc mua ma túy về bán cho khách kiếm lời, do có quen biết với Vũ Văn C1, biết C1 bán ma túy nên đã liên hệ với C1 để mua ma túy. Sau khi mua được ma túy C trực tiếp bán lại cho khách, một thời gian sau đó C giao cho Nguyễn Hữu A, Trần Tiến D, Quách Anh T2 (là những người được C cho ăn ở, sinh hoạt tại nhà của C) cùng tham gia bán ma túy cho khách. C đã mua ma túy của C1 nhiều lần bằng cách chuyển tiền từ tài khoản V2 của C, số 102868545486 đến tài khoản M3 số 0987.556.279 của C1 để mua ma túy. Các lần mua trước đó C không nhớ cụ thể, chỉ nhớ loại ma túy C mua là thuốc lắc và ketamine. Tất cả các lần C chuyển khoản cho C1 đều là để mua ma túy.

Vào khoảng 03 giờ ngày 27/9/2022 C gọi điện thoại cho Vũ Văn C1 để mua 09 viên thuốc lắc và 02 chỉ Ketamine, C1 đồng ý và chuẩn bị ma túy sau đó rủ vợ là Trần Thị N2 đi cùng, nhưng không nói cho chị N2 biết việc đi bán ma túy. C1 điều khiển ô tô nhãn hiệu Kia morning, biển kiểm soát 36A -180.90 từ thành phố T lên đến khu vực gần nhà hàng H10 thuộc thị trấn S, huyện T thì gọi điện thoại cho C ra lấy, nhưng C không trực tiếp ra lấy, mà C đưa tiền cho A 4.900.000 đồng và bảo A3 ra gặp C1 để lấy ma túy về. A3 lấy xe máy mượn của D đi gặp C1, đồng thời C chuyển vào tài khoản M3 của C1 số tiền 700.000 đồng. Tổng cả tiền đưa cho A3 và chuyển khoản cho C1 để mua ma túy là 5.600.000 đồng. Sau khi ra gặp C1, A3 đưa tiền cho C1 thì C1 đưa cho A3 01 túi ni lông màu đen có chứa ma túy loại Ketamine và thuốc lắc, A3 cầm về đưa cho C, C phân chia gói Ketamine ra nhiều túi nhỏ, 01 túi C đưa cho D để D đi đưa cho người mua tên T7, sử dụng số điện thoại 0932.358.063 đang hát tại quán K2. Khi đến nơi D đã giao số ma túy trên cho người thanh niên đi xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng. Số Ketamine và thuốc lắc còn lại gồm 05 viên thuốc lắc và 04 túi Ketamine bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T phát hiện, thu giữ tại quán và qua khám xét tại phòng thuê trọ của Tổng Bá C ở khu C, thị trấn S, huyện T.

Do D và C có quen biết nhau từ trước, bản thân D làm phục vụ tại Quán K2, còn C thì thuê trọ tại khu phố C, thị trấn S, huyện T. Đầu tháng 8/2022 C có cho D 3.000.000 đồng để trả nợ, sau đó C bàn với D việc đi bán ma túy hộ C loại hồng phiến, thì D đồng ý, C hứa cho D 20% lợi nhuận từ việc bán ma túy.

Đối với Nguyễn Hữu A quá trình ở lại tại nhà C, A nói với C có thể mua được ma túy của một người quen trên huyện B, nên C đã đưa tiền cho A đi mua ma túy 03 lần vào tháng 8 năm 2022, A không nhớ được ngày cụ thể, nhưng nhớ số tiền từng lần mua như sau.

- Lần thứ nhất mua 3.500.000 đồng được 50 viên hồng phiến;
- Lần thứ hai mua 1.500.000 đồng được 20 viên hồng phiến;
- Lần thứ ba mua 5.000.000 đồng được 100 viên hồng phiến, trong đó có 01 viên màu xanh. Số hồng phiến trên A khai mua của một người tên M hay gọi là “Minh phở” ở Phố Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. A khai không nhớ được số điện thoại của M do biết M đã bị bắt trước đó, nên đã xóa số điện thoại.

Sau khi mua được hồng phiến A đã đưa cho C, C giao lại cho D bán, số còn lại C sử dụng và còn 01 viên hồng phiến màu xanh không bán được, đã bị cơ quan Công an thu giữ.

Đối với Trần Tiến D đã bán ma túy (loại hồng phiến) cho C từ giữa tháng 8/2022 đến ngày 20/8/2022, các lần cụ thể như sau: Bán cho Phạm Văn T5, sinh năm 2001, trú tại thôn Đ, xã T; B cho Cao Bá N3, sinh năm 1992 trú tại thôn Q, xã T; B cho Trịnh Duy T8, sinh năm 1990 trú tại khu phố X, thị trấn S; Bán cho Trịnh Ngọc A4, sinh năm 2005 trú tại thôn H, xã X, huyện T. Tuy nhiên D không nhớ đã bán bao nhiêu lần và các ngày cụ thể chỉ xác định được khi bán những người này đều đưa tiền mặt cho D, D đem tiền về đưa lại cho C.

Trong số hồng phiến C đưa cho D bán, thì có 05 viên D đem về cất dấu trong túi quần để tại phòng ngủ số 201 của quán K2, do để quên chưa kịp bán, thì bị cơ quan Công an phát hiện thu giữ ngày 27/9/2022.

Ngoài việc bán ma túy cho C, D còn bàn bạc và giúp cho Lê Nam A1 bán ma túy loại hồng phiến. Cụ thể từ khoảng ngày 20/9/2022 đến ngày 27/9/2022 sau khi C không mua được hồng phiến để bán nữa, thì Lê Nam A1 có nói với D là có chỗ lấy được hồng phiến và bàn với D việc Nam A1 bỏ tiền mua ma túy loại hồng phiến về đưa cho D bán. D là người trực tiếp bán cho khách, lợi nhuận từ việc bán ma túy sẽ chia đôi. Tối ngày 22/9/2022, Nam A1 đem về quán K2 một túi ni lông màu xanh, mở ra đếm thì có 90 viên hồng phiến. Số hồng phiến này Nam A1 khai mua của Hà Quang T9 ở xã T, huyện T vào ngày 19/9/2022, T9 giao ma túy tại khu vực phía sau trường THPT T16 5. Sau đó Nam A1 và D lấy túi Zip đã chuẩn bị sẵn phân chia ma túy thành nhiều túi nhỏ rồi để D đem đi bán cho khách. Đến ngày 24/9/2022 do đã bán hết ma túy, Nam A1 liên lạc với Hà Quang T9 mua thêm 200 viên hồng phiến. Sau khi T9 đồng ý, thì Nam A1 đã bảo em gái tên Lê Thị Phương A2 đến nhà chị Trịnh Lê H7 (sinh năm 1980, trú tại Khu B, thị trấn S, huyện T) nhờ chị H7 chuyển vào tài khoản của Hà Quang T9, số tài khoản 8430103978002 số tiền 10.000.000 đồng. Khi đã nhận tiền chuyển khoản, T9 hẹn Nam A1 đến khu vực Cầu T xã T, huyện T để lấy ma túy. Nam A1 bảo D đi lấy ma túy, lên đến nơi do không tìm thấy chỗ cất giấu ma túy, nên D đã gọi cho Nam A1 bảo T9 ra chỉ chỗ, Nam A1 gọi cho T9, T9 đi ra chỉ cho D chỗ cất giấu ma túy tại bậc tam cấp xuống sông Nông Giang bên phải chân cầu. Lấy được ma túy D đem

về quán K2 rồi cùng Nam A1 phân chia thành nhiều túi nhỏ. Sau đó thì D đem bán cho khách và sử dụng dần. Đến ngày 27/9/2022 khi bắt quả tang D về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan Công an chỉ thu giữ được 01 viên hồng phiến do Nam A1 và D mua về bán.

Trần Tiến D đã bán cho những người sau đây:

+ Bán ma túy cho Cao Bá N3 nhiều lần, các lần khác D không nhớ, chỉ nhớ vào ngày 25/9/2022 D bán cho N3 05 viên hồng phiến tại quán K4 lấy 500.000 đồng.

+ Bán ma túy cho Lê Văn K1 khoảng 7 đến 8 lần, mỗi lần từ 5 đến 10 viên hồng phiến, tuy nhiên D không nhớ rõ thời gian bán, K1 đã trả tiền cho D.

+ Bán ma túy cho Trịnh Ngọc A4 vài lần, nhưng D không nhớ rõ số lượng và thời gian mua.

+ Bán ma túy cho Vũ Xuân M1 nhiều lần, nhưng D chỉ nhớ lần gần nhất bán ma túy cho anh M1 là vào ngày 25/9/2022, D đã bán cho M1 05 viên hồng phiến lấy 500.000 đồng.

+ Bán ma túy cho Trịnh Đình S vào ngày 26/9/2022 số lượng 10 viên hồng phiến lấy 1.000.000 đồng.

+ Bán ma túy cho Phạm Văn T5 khoảng 7 lần, nhưng D chỉ nhớ lần gần nhất D bán ma túy cho T5 là vào ngày 26/9/2022, T5 mua 10 viên hồng phiến với giá 1.000.000 đồng.

+ Bán ma túy cho Trịnh Duy T8 nhiều lần, nhưng D chỉ nhớ vào ngày 25/9/2022 D đã bán cho T8 13 viên hồng phiến, T8 mới đưa cho D 500.000 đồng.

+ Bán ma túy cho Tống Bá C 04 lần: Vào chiều ngày 25/9/2022 D bán 18 viên hồng phiến cho C, nhưng T8 lấy 13 viên, mới trả tiền 500.000 đồng, còn C lấy 05 viên. Tối ngày 25/9/2022 C hỏi mua 05 viên, D đem đến phòng trọ của C. Chiều ngày 26/9/2022, C mua 10 viên, D đem đến phòng trọ cho C. Tối ngày 26/9/2022 C mua thêm 05 viên, D đem đến nhà C. Tất cả số hồng phiến đã mua của D, C đều chưa trả tiền.

Số hồng phiến D bán cho C chiều ngày 26/9/2022, C và A sử dụng chưa hết, còn lại một mảnh và 05 viên hồng phiến Công định bán cho khách, nhưng chưa bán được, thì bị Cơ quan Công an thu giữ ngày 27/9/2022 khi khám xét nơi ở của C.

- Đối với Lê Nam A1, đã bàn bạc với D việc Nam A1 bỏ tiền ra mua ma túy về đưa cho D bán cho khách với mục đích kiếm lời, lợi nhuận sẽ chia đôi. Cụ thể: N đã liên hệ mua ma túy của Hà Quang T9 02 lần. Lần thứ nhất vào ngày A6 mua của T9 90 viên hồng phiến giá 4.500.000 đồng, Nam A1 trực tiếp gặp T9 ở khu vực Trường THPT T16 5 để lấy ma túy; Nam A1 chuyển tiền qua tài khoản cho T9. Lần thứ hai vào ngày 24/9/2022, Nam A1 gọi điện cho T9 mua 200 viên hồng phiến, được T9 đồng ý, sau đó Nam A1 đến nhà H6 H7 ở đối diện quán K2 nhờ chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản của T9. Sau khi chuyển tiền, thì Nam A1 bảo D đến khu vực Cầu T, xã T, huyện T để lấy ma túy như nội dung D đã khai ở trên.

- Đối với Quách Anh T2 từ đầu tháng 9/2022, Quách Anh T2 đến làm việc cho C, ban đầu T2 chỉ làm công việc đưa đón nhân viên phục vụ quán hát. T2 có được C cho ma túy để sử dụng và C nói cho biết việc C mua ma túy loại hồng phiến, ketamin, thuốc lắc về bán cho khách. Sau đó T2 đã giúp C đi giao ma túy cho người khác 03 lần, với mục đích được C lo cho ăn, ở và cho sử dụng ma túy, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất vào ngày 16/9/2022, T2 đi giao ma túy cho khách tại khu vực hồ X, thuộc xã X, huyện T, C nói khách đã chuyển khoản cho mình số tiền 1.600.000 đồng. T2 cầm gói ma túy do C đưa, sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng của C đi đến nơi, lúc đó vào khoảng 00 giờ ngày 16/9/2022. T2 gặp hai người đàn ông đi xe máy nhãn hiệu Exciter 135 màu đỏ đen thì đưa gói ma túy cho hai người đó.

+ Lần thứ hai vào khoảng 01 giờ sáng ngày 19/9/2022, T2 tiếp tục giao ma túy cho người khách trên tại khu vực hồ X. T2 đi đến thì gặp một người đàn ông đi xe máy nhãn hiệu Exciter 135 màu đỏ đen, thì đưa ma túy cho người đó rồi lấy 1.300.000 đồng về đưa cho C.

+ Lần thứ ba vào khoảng 01 giờ sáng ngày 24/9/2022, T2 tiếp tục giao ma túy cho người khách trên tại khu vực hồ X lấy 1.450.000 đồng đem về đưa cho C.

- Tổng Bá C thừa nhận có 03 lần đưa tiền cho A để đi mua ma túy loại hồng phiến tại huyện B như A khai để về giao lại cho D, A, T2 đi bán cho khách, đồng thời thừa nhận sau khi không tự mua được ma túy, biết D bán hộ ma túy loại hồng phiến cho Nam A1 nên đã mua lại 04 lần như D khai báo. Số ma túy loại hồng phiến mua lại của D, C đem về để sử dụng và bán lại cho khách. Ngoài ra Công còn trực tiếp bán ma túy cho khách và giao cho Nguyễn Hữu A bán ma túy nhiều lần cho nhiều người khác, nhưng C không nhớ được bán vào thời gian nào, bán cho ai, số lượng ma túy cụ thể như thế nào. Nguyễn Hữu A khai báo khoảng 20 giờ ngày 23/9/2022 có đi giao ma túy loại Ketamin cho một người khách tại công quán K2 lấy về 1.900.000 đồng đưa cho C, nhưng A không biết người đó là ai, ở đâu. Tiến hành rà soát Camera tại khu vực quán K2 nhưng không phát hiện được hình ảnh liên quan đến vụ việc trên.

** Làm việc với các đối tượng liên quan, xác định:*

- Đối với Trịnh Đình S thừa nhận, ngày 26/9/2022 có mua của Trần Tiến D 10 viên hồng phiến nhưng đã đem về sử dụng hết. Ngoài ra Súc còn khai nhận trước đây có mua hồng phiến của Hà Quang T9 ở xã T, huyện T để bán cho khách kiếm lời, đồng thời còn cất giấu 03 viên hồng phiến tại nơi làm việc của S ở thôn I, xã T, huyện T thì bị cơ quan Công an khám xét thu giữ. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy liên quan vụ án này, đã bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Hồ sơ vụ án Trịnh Đình S bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T khởi tố về tội: “mua bán trái phép chất ma túy”, trong một vụ án khác.

- Đối với Phạm Văn T5 thừa nhận đã mua ma túy của D nhiều lần để sử dụng. Lần gần nhất vào ngày 26/9/2022, T5 mua của D 10 viên hồng phiến với số tiền 1.000.000 đồng và đem về sử dụng hết. Các lần trước T5 không nhớ được thời gian

mua và số tiền mua. Cơ quan điều tra đã thu giữ của T5 một điện thoại OPPO A11 gắn thẻ sim số thuê bao 0375.678.580 là điện thoại T5 liên hệ với D mua ma túy. Chiếc điện thoại này đã nhập vào vật chứng vụ Trịnh Đình S bị khởi tố về tội mua bán trái phép chất ma túy.

- Đối với Trịnh Duy T8 thừa nhận có mua ma túy loại hồng phiến 01 lần của D vào ngày 25/9/2022, T8 liên hệ trực tiếp nhưng D không đồng ý, nên T8 đã nhờ Tống Bá C gọi cho D, sau đó D đã đưa cho T8 13 viên hồng phiến, T8 mới đưa cho D 500.000 đồng. Số hồng phiến này T8 đã sử dụng hết.

- Đối với Vũ Xuân M1 không thừa nhận bản thân đã mua ma túy của D, M1 có dùng số điện thoại 0978.807.456 và sử dụng Zalo tên “M1 đen” nhưng không kết bạn nhắn tin với Trần Tiến D. Kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của M1, thì không phát hiện M1 dương tính với ma túy, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Cao Bá N3 thừa nhận đã mua ma túy của D nhiều lần. N3 sử dụng số điện thoại 0373.945.505 để gọi điện đến số 0928.868.991 của D mua ma túy. Lần gần nhất N3 mua ma túy của D là vào ngày 25/9/2022 với số lượng 05 viên, N3 đã trả tiền cho D. Chiếc điện thoại N3 sử dụng để gọi điện cho D đã bị mất trong lần N3 tham gia vụ việc gây rối trật tự công cộng ngày 03/12/2022 tại thị trấn S, huyện T. Số hồng phiến mua của D, N3 đã sử dụng hết ngày 25/9/2022. Hiện N3 đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T khởi tố vụ án về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Đối với Lê Văn K1 thừa nhận đã mua ma túy loại hồng phiến của Trần Tiến D nhiều lần, nhưng chỉ nhớ được lần cuối cùng mua ma túy của D là ngày 20/9/2022 với số lượng 10 viên. K1 đã gặp D ở sân bóng thị trấn S đưa cho D 1.000.000 đồng. Số hồng phiến này K1 đã sử dụng hết.

- Đối với Trịnh Ngọc A4 thừa nhận đã mua ma túy loại hồng phiến của Trần Tiến D nhiều lần, nhưng chỉ nhớ được lần cuối cùng mua vào ngày 20/9/2022 với số lượng 05 viên. Ngọc A4 đã gặp D ở sân bóng thị trấn S đưa cho D 500.000 đồng. Số hồng phiến này Ngọc A4 đã sử dụng hết.

- Đối với người khách mua ma túy của C tại khu vực hồ X ngày 16/9/2022, 19/9/2022 và 24/9/2022, C bảo An đem ma túy đến giao cho người này, thực tế C chưa gặp, không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể, chỉ biết người này gọi điện tự giới thiệu tên là T7 ở khu vực thị trấn T hỏi mua ma túy và sử dụng số điện thoại 0932.358.063, xác minh thông tin về đối tượng tên T7 có đặc điểm như C và A đã khai báo nhưng không xác định được người đó là ai, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Hà Quang T9 (sinh năm 1991, quê quán: xã T, huyện T; hiện ĐKKHKT tại: Phú phố A, thị trấn L, huyện T), là người bán ma túy cho Nam A1. Hiện tại T9 không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Hà Quang T9 nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả, nên đã ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với T9 để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

- Đối với người có tên “Minh phở” như A khai đã mua ma túy của M, hiện tại M đã bị khởi tố điều tra trong 01 vụ án khác về hành vi mua bán trái phép chất

ma túy, tuy nhiên quá trình làm việc với M, M không thừa nhận việc bán ma túy cho A; mặt khác hồ sơ, tài liệu không đủ sơ sở để xử lý đối với M.

- Đối với Trần Thị N2 (vợ C1), là người đi cùng C1 từ Thành Phố T đến Thị trấn S, huyện T, nhưng không biết C1 cất giấu ma túy và đem đi bán cho C, nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Đỗ Hữu T4, theo C1 khai ngoài lần mua ma túy bị bắt trên, trước đó C1 còn nhiều lần mua ma túy của T4 để đi bán. C1 thường gọi điện đến số 0842.628.808 của T4 để hỏi mua ma túy. Ngày 12/9/2022, C1 sử dụng tài khoản ngân hàng M3 số 0987.556.279 chuyển tiền vào tài khoản M3 số 3345197899999 của T4 số tiền 21.500.000 đồng để mua Ketamin. Sau khi mua được C1 đã bán hết. Ngày 21/9/2022 C1 mua của T4 20 viên thuốc lắc và 10 chỉ ketamin hết 11.400.000 đồng. T4 hẹn C1 đến khu vực gần cổng Bệnh viện Đ2 để giao ma túy. C1 đến điểm hẹn thì thấy T4 đi xe Taxi đến giao ma túy. Đến ngày 23/9/2022, T4 cần sử dụng thuốc lắc nên đã mua lại của C1 02 viên để sử dụng. T4 chuyển lại cho C1 450.000 đồng vào tài khoản M3 của C1. Số ma túy mua được của T4 ngày 21/9/2022, C1 bán lại cho C 01 lần vào ngày 27/9/2022; ngày 28/9/2022 C1 tiếp tục đem đi bán cho người không quen biết, không có số điện thoại liên lạc tại khu vực Cảng hàng không T, thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang; số còn lại C1 đã bán hết nhưng không nhớ bán cho ai. Ngày 27/9/2022, C1 có rủ vợ tên N2 đi cùng mình lên khu vực thị trấn S, tuy nhiên, C1 không nói cho vợ biết việc đi giao ma túy. Làm việc với Đỗ Hữu T4, T4 không thừa nhận việc bán ma túy cho C1, T4 thừa nhận có quen biết C1, có liên lạc với C1 bằng số điện thoại 0842.628.808 và sử dụng số tài khoản ngân hàng M3 số 3345197899999 để chuyển tiền với C1, nhưng việc C1 chuyển khoản tiền cho T4 là để đặt mua xe máy. Xác minh Camera tại nơi C1 khai báo giao dịch mua ma túy với T4 nhưng không thu được hình ảnh liên quan đến vụ việc, vì vậy không có căn cứ để xử lý đối với Đỗ Hữu T4 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

- Đối với người đàn ông theo D khai ngày 27/9/2022 đã giao ma túy cho một người thanh niên là bạn của anh T4 hay gọi “T4 bản” người thị trấn T, làm nghề lái xe tải, khi đó anh ta đang hát tại quán K2. Qua điều tra xác định đó là anh Đinh Văn T10 (sinh năm 1991, trú tại khu F, thị trấn T, huyện T), nhưng T10 không thừa nhận, mà cho biết người có đặc điểm nêu trên là anh Lê Văn S1 (sinh năm 1990, trú tại thôn H, xã T, huyện T). Làm việc với Lê Văn S1, S1 khai nhận không quen biết Trần Tiến D và không mua ma túy của D, mặt khác căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, không có căn cứ để xử lý đối với S1.

- Đối với bà Nguyễn Thị T11, ông Đỗ Đình T12 là chủ quán K2, bà T11 là người cho Lê Nam A1 thuê lại cơ sở để kinh doanh, trong đó quán có giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; bà T11, ông T12 không biết việc Trần Tiến D, Lê Nam A1 sử dụng quán K2 làm nơi cất giấu ma túy, nên không xem xét xử lý.

- Đối với chị Bùi Thị H9 là chủ nhà nơi Tống Bá C thuê trọ, nhưng chị H9 không biết việc các đối tượng trên có hành vi cất giấu ma túy để bán, do vậy không xem xét xử lý.

- Đối với Vương Thị Kim T (vợ bị cáo C), Phạm Thị V, Hà Thị Mỹ H5, là nhân viên phục vụ quán hát, ở cùng vợ chồng C nhưng không biết việc C cất giấu, mua bán ma túy, nên không có căn cứ để xử lý.

* *Về vật chứng, đồ vật tài liệu thu giữ*: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong theo quy định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A20S màu xanh; 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu trắng xám; 01 Cân tiểu ly; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2027; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA-1203, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA-1174, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K40 Gaming, màu đen; 01 thẻ ATM ngân hàng M3, mang tên Vũ Văn C1; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING, màu bạc, gắn BKS: 36A-180.90; 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Winner, màu sơn trắng đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215 màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216. Hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS-HS ngày 27/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố:

- Bị cáo Tổng Bá C về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lê Nam A1 về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Vũ Văn C1 về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Tổng Bá C, Lê Nam A1, Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 và Vũ Văn C1, đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận giám định.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tổng Bá C và Lê Nam A1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Vũ Văn C1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 251; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tống Bá C, xử phạt bị cáo Tống Bá C từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 04 tháng tù.

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Nam A1, xử phạt bị cáo Lê Nam A1 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn C1, xử phạt bị cáo Vũ Văn C1 từ 07 năm 08 tháng đến 08 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Trần Tiến D, xử phạt bị cáo Trần Tiến D từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2, xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu A và Quách Anh T2, mỗi bị cáo từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 05 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Truy thu số tiền do phạm tội mà có của Vũ Văn C1 5.600.000 đồng, Lê Nam A1 7.000.000 đồng, Tống Bá C 6.250.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; 01 Căn tiểu ly; 01 thẻ ATM ngân hàng M3, mang tên Vũ Văn C1.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A20S màu xanh;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2027;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA-1203, màu đen;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA-1174, màu đen;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K40 Gaming, màu đen;

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING, màu bạc, gắn BKS: 36A-180.90.

- Trả lại cho Lê Minh H4 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu trắng xám; Trả lại cho Phạm Hữu A5 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng; Trả lại cho Đỗ Hữu T4 03 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Nokia 215 màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216.

- Chuyển trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Winner, màu sơn trắng đen, không gắn biển kiểm soát để tiến hành điều tra, xác minh làm rõ về chủ sở hữu hợp pháp và xử lý theo quy định.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Tiên D2 tranh luận: Thống nhất với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo D2 theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án; nguyên nhân, tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo; nhân thân, học vấn của bị cáo; khi phạm tội bị cáo đang ở độ tuổi dưới 16 tuổi, nhận thức pháp luật hạn chế; thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng quy định của pháp luật đối với người dưới 16 tuổi phạm tội tại Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự, để xử lý vụ án, xử phạt bị cáo D2 ở mức án 03 năm tù. Ngoài ra còn đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu A tranh luận: Thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với bị cáo. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo; vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo gồm: bị cáo ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo A được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, để bị cáo yên tâm cải tạo và sớm trở lại hòa nhập xã hội. Ngoài ra còn đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Nam A1 tranh luận: Thống nhất với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo theo điểm b, e khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án; điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo; nhân thân; thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bản thân bị cáo có thời gian tham gia trong Q1, được khen thưởng thành tích xuất sắc, bị cáo còn có ông nội, ông ngoại là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến; ông nội bị cáo là đối tượng thương binh, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Lê Nam A1 ở mức án thấp nhất của khung hình phạt. Ngoài ra, còn đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Tiến D tranh luận: Thống nhất với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Tống Bá C, Lê Nam A1, Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 và Vũ Văn C1 tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

- Tống Bá C đã có hành vi bán trái phép chất ma túy nhiều lần. Cụ thể: C mua ma túy loại hồng phiến (methamphetamine) tổng số lượng 05 viên có trọng lượng 0,473g của D vào tối ngày 27/9/2022 để bán cho khách, nhưng chưa bán được thì bị cơ quan Công an thu giữ. C đưa tiền cho A mua ma túy loại hồng phiến 03 lần tổng 170 viên, sau đó giao cho D bán cho nhiều người khác, C đã bán chỉ còn lại 01 viên thì bị cơ quan Công an thu giữ, có trọng lượng 0,096g, được xác định là ma túy loại Methamphetamine. C mua ma túy loại Ketamine và thuốc lắc (MDMA) của Vũ Văn C1 vào nhiều ngày trong đó ngày 27/9/2022 với tổng số tiền là 5.600.000 đồng, C đem về nhà mới bán 01 gói Ketamine cho một người tên T, số ma túy còn lại bị cơ quan Công an phát hiện thu giữ với tổng khối lượng ma túy là 2,423g ma túy, loại Ketamine và 2,399g ma túy, loại MDMA. C còn giao ma túy loại Ketamine cho T2 đi bán cho một người tên T 03 lần vào các ngày 16/9/2022, 19/9/2022 và 24/9/2022. Bản thân C còn sử dụng Trần Tiến D là người dưới 16 tuổi đi giao, bán ma túy.

- Trần Tiến D đã có hành vi bán trái phép chất ma túy nhiều lần, trong đó: D bàn bạc và giúp sức cho Lê Nam A1 bán ma túy, cụ thể: ngày 26/9/2022 D bán ma túy loại hồng phiến cho Tống Bá C 02 lần. Lần thứ nhất vào buổi chiều với số lượng 10 viên hồng phiến, cơ quan Công an thu giữ được 01 mảnh chất nén màu hồng còn lại ở nhà C, có trọng lượng 0,045g, là ma túy loại Methamphetamine. Lần thứ hai vào buổi tối với số lượng 05 viên hồng phiến, Cơ quan Công an thu giữ được 05 viên hồng phiến tại nhà C, tổng trọng lượng là 0,473g, là ma túy loại Methamphetamine. Ngày 25/9/2022 D bán ma túy loại hồng phiến cho C 02 lần, C đã sử dụng hết. D còn bán ma túy cho Phạm Văn T5, Trịnh Duy T8, Trịnh Đình S, Cao Bá N3, Trịnh Ngọc A4, Lê Văn K1 nhiều lần khác, nhưng không thu giữ được

ma túy. Ngoài ra D còn giúp sức cho Tổng Bá C bán ma túy cho khách, cụ thể: bán cho Phạm Văn T5, Cao Bá N3, Trịnh Duy T8, Trịnh Ngọc A4; Trong số ma túy C đưa cho D bán thì có 05 viên hồng phiến D đem về cất giấu, chưa kịp bán cho khách thì bị cơ quan Công an thu giữ, có trọng lượng 0,509g, là ma túy loại Methamphetamine.

- Nguyễn Hữu A đã có hành vi 03 lần giúp sức cho C đi mua ma túy tại huyện B và vẫn còn lại 01 viên thuốc lắc, thì bị cơ quan Công an thu giữ. A còn giúp sức cho C đi nhận ma túy từ C1 vào ngày 27/9/2022, số ma túy này cơ quan Công an đã thu giữ tại nhà ở của C gồm 2,423g ma túy, loại Ketamine và 2,399g ma túy, loại MDMA. Ngoài ra A còn giúp sức cho C bán ma túy nhiều lần cho khách, nhưng không thu giữ được ma túy.

- Quách Anh T2 đã có hành vi giúp sức cho C đi bán ma túy nhiều lần cho khách, theo yêu cầu của C. Trong đó vào các ngày 16/9/2022, 19/9/2022, 24/9/2022 T2 giúp sức cho C bán ma túy loại Ketamine, thuốc lắc và hồng phiến cho khách 03 lần tại khu vực hồ X, tuy nhiên không xác định được người mua, không thu giữ được ma túy.

- Lê Nam A1 là người thỏa thuận bàn bạc với D là người dưới 16 tuổi về việc đi mua ma túy về bán kiếm lời, Nam A1 là người chủ động tìm nơi mua ma túy, bỏ tiền ra mua ma túy, cùng D phân chia ma túy thành nhiều túi nhỏ để bán lại cho khách. Nam Anh mua ma túy của Hà Quang T9 02 lần vào ngày 22/9/2022 và 24/9/2022 với tổng số 290 viên hồng phiến và đưa cho D bán nhiều lần cho khách, chỉ còn lại 01 viên thì bị cơ quan Công an thu giữ, có trọng lượng 0,098g, ma túy loại Methamphetamine.

- Vũ Văn C1 đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác nhiều lần, trong đó 01 lần vào ngày 28/9/2022 C1 đem ma túy đi bán cho một người không quen biết số ma túy có trọng lượng 6,377g ma túy, loại Ketamine và 6,242g ma túy, loại MNMA, khi chưa bán được thì bị cơ quan Công an bắt quả tang. Ngoài ra, ngày 27/9/2022 C1 bán ma túy cho C với tổng số tiền là 5.600.000 đồng, C đem về nhà cất giấu bán cho khách, số còn lại bị cơ quan Công an thu giữ với tổng khối lượng là 2,423g ma túy, loại Ketamine và 2,399g ma túy, loại MDMA.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội là do cố ý. Như vậy, hành vi của bị cáo Tổng Bá C, Lê Nam A1 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Vũ Văn C1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân. Tệ nạn về ma túy không những làm hủy hoại đến sức khỏe, mà còn là điều

kiện làm nảy sinh, lan truyền đại dịch HIV/AIDS. Tội phạm về ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm, tệ nạn xã hội khác, đã và đang làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì hám lợi, muốn có tiền để tiêu xài, đã bất chấp pháp luật phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý vụ án nghiêm minh, xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, bắt cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Vụ án không có tính tổ chức, mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó:

Đối với nhóm đồng phạm giữa các bị cáo C, D, A và T2: Giữa các bị cáo có sự thống nhất trong việc mua bán trái phép chất ma túy, trong đó C có vai trò chủ mưu, chuẩn bị tiền và trực tiếp liên hệ mua chất ma túy, điều hành việc mua, bán chất ma túy; bị cáo A đi tìm mua chất ma túy (hồng phiến), ngoài ra còn đi bán chất ma túy nhiều lần cho nhiều người khác nhau theo sự chỉ đạo của C; bị cáo T2 được C giao nhiệm vụ đi bán ma túy nhiều lần cho nhiều người; mục đích của A và T2 đi bán ma túy là để được C lo liệu cho ăn, ở không mất tiền và được C cho sử dụng ma túy; Bị cáo D giúp C bán ma túy cho nhiều lần cho nhiều người với mục đích được C trả tiền công. Vì vậy bị cáo C giữ vai trò chính trong nhóm, nên phải chịu trách nhiệm cao hơn so với bị cáo D, A và T2.

Đối với nhóm đồng phạm giữa các bị cáo D và N: Giữa các bị cáo có sự bàn bạc trong việc mua bán chất ma túy, loại hồng phiến, trong đó: Bị cáo Nam A1 là người khởi xướng, chủ động trực tiếp liên hệ và chuẩn bị tiền để mua ma túy về cho D bán cho khách với mục đích kiếm lời, lợi nhuận chia đôi; bị cáo D mang ma túy Nam Anh đưa về cất giấu tại phòng ở, trực tiếp mang ma túy đi bán nhiều lần cho nhiều người. Vì vậy, bị cáo Nam A1 giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm cao hơn so với bị cáo D.

Đối với bị cáo C1, bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Tống Bá C đã 01 lần bị Tòa án kết án phạt tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Vũ Văn C1 01 lần bị kết án về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và 02 lần bị xử lý vi phạm hành chính, nhưng các bị cáo đều đã chấp hành xong, nên đã đương nhiên được xóa án tích và được coi là chưa bị xử lý hành chính. Các bị cáo Trần Tiến D, Lê Nam A1, Nguyễn Hữu A và Quách Anh T2 lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Tống Bá C, Lê Nam A1, Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 và Vũ Văn C1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Tổng Bá C, Lê Nam A1, Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 và Vũ Văn C1 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Tổng Bá C, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2, Lê Nam A1 đã ra đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn C2 có bố đẻ, mẹ đẻ đều là người có công với cách mạng, tham gia thanh niên xung phong phục vụ trong thời kỳ kháng chiến, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Tổng Bá C có bố đẻ là người có công với cách mạng, có tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế hiện được hưởng chế độ theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; ngoài ra ông (bà) nội, ngoại của bị cáo cũng là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến được tặng thưởng huy chương kháng chiến, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Nam A1, có thời gian tham gia trong Q1, được khen thưởng thành tích xuất sắc; ngoài ra bị cáo còn có ông nội là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, hiện đang hưởng chế độ thương binh, nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

Các bị cáo Tổng Bá C, Lê Nam A1, Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 và Vũ Văn C1 không phải chịu tình tiết tăng nặng, mà đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Riêng đối với bị cáo Trần Tiên D2, khi phạm tội bị cáo đang ở độ tuổi dưới 16 tuổi, nên cần áp dụng quy định của pháp luật đối với người dưới 16 tuổi phạm tội tại Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự khi xử lý. Vì vậy, cần thiết xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập; hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về số tiền do phạm tội mà có: Đối với số tiền các bị cáo Tổng Bá C, Lê Nam A1 và Vũ Văn C3 thu lợi bất chính do bán trái phép chất ma túy mà có, chứng minh được, cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Về vật chứng vụ án:

- Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 03 phong bì niêm phong, cần cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 Căn tiểu ly thu giữ của bị cáo Tổng Bá C, là công cụ bị cáo sử dụng phạm tội; 01 thẻ ATM ngân hàng M3 của Vũ Văn C1, bị cáo sử dụng liên quan đến tội phạm, tại phiên tòa bị cáo có ý kiến xin không nhận lại. Xét không còn giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A20S màu xanh thu của bị cáo D2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2027, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, thu giữ tại nơi ở của bị cáo C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K40 Gaming màu đen và 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING, màu bạc, gắn BKS: 36A-180.90 thu giữ của bị cáo C1. Xác định đây là công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng, biển kiểm soát 36D1-375.60 thu giữ tại nơi ở của Tổng Bá C. Công khai mượn của Lê Minh H4 vào tháng 8/2022 về sử dụng để cho A, T2 chở nhân viên và sử dụng đi giao ma túy. Bản thân Lê Minh H4 không biết việc bị cáo C đã sử dụng xe đi giao ma túy; H4 mua chiếc xe máy trên của chị Trịnh Thị V1 ở xã P, T (là chủ xe) từ năm 2019 nhưng chưa sang tên đổi chủ, không làm giấy tờ mua bán. Làm việc với gia đình chị V1, xác định chiếc xe trên đã được bán cho Lê Minh H4. Qua tra cứu phương tiện, xác định chiếc xe trên không nằm trong hệ thống xe máy tang vật. Vì vậy, cần trả lại chiếc xe máy trên cho Lê Minh H4.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 thu giữ tại nơi ở của Tổng Bá C, xác định đây là điện thoại của Phạm Hữu A5. Tiến hành kiểm tra điện thoại không phát hiện thông tin liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật; bản thân A5 không sử dụng liên quan đến tội phạm. Vì vậy, cần trả lại cho Nguyễn Hữu A.

- Đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của Đỗ Hữu T4, gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 6s màu vàng, 01 điện thoại Nokia 215 màu xanh, và 01 điện thoại Nokia 216 màu đen. Quá trình điều tra không xác định được hành vi phạm tội của T4, kiểm tra điện thoại không phát hiện thông tin liên quan đến tội phạm. Vì vậy, cần trả lại 03 chiếc điện thoại trên cho T4.

- Đối với: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Winner, màu sơn trắng đen, xe không có đăng ký, thu giữ từ bị cáo Lê Nam A1. Quá trình điều tra: Lê Nam A1 khai báo mượn xe của ông Trần Ngọc T13 ở thị trấn S, huyện T. Ông T13 khai mua xe lại của một người không quen biết vào năm 2021 khi mua không có giấy tờ mua bán. Tiến hành tra cứu, xác minh chủ đăng ký xe máy là anh Nguyễn Đức Đ1 (sinh năm 1993, trú tại thôn P, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên). Qua xác minh, anh Đ1 cho biết chiếc xe trên bị mất ngày 13/07/2021 khi anh để xe tại chung cư E, thuộc P, L, Hà Nội; anh Đ1 đã làm đơn trình báo lên An ninh của tòa nhà, nhưng

không báo cáo Công an. Qua tra cứu phương tiện, thì xác định chiếc xe trên không nằm trong hệ thống dữ liệu xe tang vật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chưa đủ cơ sở xác định về chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe máy nêu trên, do đó cần chuyển vật chứng là chiếc xe máy nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ về chủ sở hữu hợp pháp và xử lý theo quy định.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[12] Về tình tiết liên quan vụ án:

- Đối với Hà Quang T9 có căn cứ xác định: Hà Quang T9 đã bán ma túy cho Lê Nam A1 và Trịnh Đình S. Tuy nhiên hiện nay T9 không có mặt tại địa phương, không rõ đang ở đâu, nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm đối với T9, nhưng chưa có kết quả. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra quyết định tách vụ án hình sự đối với Hà Quang T9 để tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

- Nguyễn Hữu A khai mua ma túy của Lê Đình M, tuy nhiên không có căn cứ để chứng minh Lê Đình M đã bán ma túy cho A, nên không có căn cứ xử lý đối với M.

- Vũ Văn C1 khai mua ma túy của Đỗ Hữu T4, tuy nhiên không có căn cứ chứng minh Đỗ Hữu T4 đã bán ma túy cho C1, nên không có căn cứ để xử lý đối với T4.

- Trần Tiến D khai Vũ Xuân M1 mua ma túy của D vào ngày 25/9/2022, tuy nhiên M1 không thừa nhận hành vi mua ma túy của D. Quá trình điều tra không chứng minh được, vì vậy không có căn cứ xử lý đối với M1.

- Đối với: Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 và Tống Bá C, Trịnh Duy T8, Phạm Văn T5, Trịnh Ngọc A4, Lê Văn K1, Cao Bá N3 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, nên đã bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Đối với Trịnh Đình S có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, liên quan đến vụ án này, đã bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo Hồ sơ Trịnh Đình S bị khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” trong vụ án khác.

- Đối với Trần Thị N2 (vợ C1), là người đi cùng C1 từ Thành Phố T đến Thị trấn S, huyện T, nhưng không biết C1 cất dấu ma túy và đem đi bán cho C, nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với người có tên “Minh phở” như A khai đã mua ma túy của M, hiện tại M đã bị khởi tố điều tra trong 01 vụ án khác về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên quá trình làm việc với M, M không thừa nhận việc bán ma túy cho A; mặt khác hồ sơ, tài liệu không đủ cơ sở để xử lý đối với M.

- Đối với người đàn ông theo D khai ngày 27/9/2022 đã mua ma túy của D tại quán K2; 01 người khách mua ma túy của C tại khu vực hồ X ngày 16/9/2022, 19/9/2022 và 24/9/2022, quá trình điều tra không xác định được người đó là ai, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với bà Nguyễn Thị T11, ông Đỗ Đình T12 là chủ quán K2, bà T11 là người cho Lê Nam A1 thuê lại cơ sở để kinh doanh, trong đó cho thuê cả giấy phép kinh doanh và giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, là vi phạm điểm d khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, nên đã bị Chủ tịch UBND huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Đối với chị Bùi Thị H9 là chủ nhà nơi Tống Bá C thuê trọ, nhưng chị H9 không biết việc các đối tượng trên có hành vi cất giấu ma túy để bán; Bà Nguyễn Thị T11 và ông Đỗ Đình T12 là chủ quán AND cho Lê Nam A1 thuê lại quán, nhưng không biết việc Trần Tiến D, Lê Nam A1 sử dụng quán K2 làm nơi cất giấu, bán chất ma túy, do vậy không xử lý là phù hợp.

- Đối với Vương Thị Kim T (vợ bị cáo C), Phạm Thị V, Hà Thị Mỹ H5, là nhân viên phục vụ quán hát, ở cùng vợ chồng C nhưng không biết việc C cất giấu, mua bán ma túy, nên không xử lý là phù hợp.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, e khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Tống Bá C;

Căn cứ vào điểm b, e khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Lê Nam A1;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Trần Tiến D;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2;

Căn cứ vào điểm b, p khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Vũ Văn C1;

Căn cứ vào **điểm a, b, c khoản 1** Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản

2, **điểm a khoản 3** Điều 106; **khoản 2** Điều 136; **khoản 1 Điều 293**; **khoản 1** Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Tổng Bá C, Lê Nam A1, Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 và Vũ Văn C1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”,

- Xử phạt bị cáo Tổng Bá C 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Lê Nam A1 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Trần Tiến D 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Quách Anh T2 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn C1 07 (bảy) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2022.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Tổng Bá C 5.600.000 đồng; bị cáo Lê Nam A1 7.000.000 đồng; bị cáo Vũ Văn C1 6.250.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với:

+ 01 phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh T14, Lương Xuân N4 và các hình dấu của Phòng K3 Công an tỉnh T. Theo Kết luận giám định số 3389/KL-KTHS ngày 03/10/2022 và biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 05/10/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T.

+ 01 Phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh T14, Trịn Văn M2, Lưu Bình N5 và các hình dấu của Phòng K3 Công an tỉnh T. Theo Kết luận giám định số 3409/KL-KTHS ngày 04/10/2022 và biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 06/10/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh T.

+ 01 Phong bì niêm phong ký hiệu: “N” được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Trần Tiến D, Nguyễn Mạnh H8, Hà Thị Thanh T6, Lương Xuân N4, Ninh Công T15, chữ ký kèm hình dấu tên với nội dung Thượng úy Nguyễn Văn L3 và các hình dấu của Công an thị trấn S – Công an huyện T, Thanh Hóa.

(Tình trạng giao nhận cả ba phong bì trên đều còn nguyên vẹn niêm phong và chỉ giao nhận dưới hình thức gói niêm phong).

- + 01 Cân tiểu ly màu đen đã qua sử dụng;
- + 01 thẻ ATM ngân hàng M3 màu xanh, mang tên Vũ Văn C1, trên thân thẻ có số: 4089041023795339.
- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với:
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A20S màu xanh, có số IMEI 1: 358244109061020, số IMEI 2: 358245109061027, gắn sim số 0928868991.
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus đã qua sử dụng, có số IMEI: 353815086869041, gắn sim số 0901710998.
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2027 đã qua sử dụng, không gắn thẻ sim.
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA-1203, màu đen, đã qua sử dụng, có số imei: 354275383351483, gắn sim số 0879528663.
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, đã qua sử dụng, có số số imei: 352055010510218, gắn sim số 0585752216.
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, model: TA-1174, màu đen đã qua sử dụng, có số imei1: 350391254129090, số imei2: 350391256489098, gắn thẻ sim số 0364374019.
 - + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K40 Gaming, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 86990905812590378, số IMEI 2: 8609005842591178, gắn sim số 0989045989.
 - + 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING, màu bạc, gắn BKS: 36A-180.90. Xe đã qua sử dụng, số máy G4LAFP135287; số khung: 51M5GC072407, số chỗ ngồi: 5; đăng ký lần đầu ngày 03/02/2016, dung tích 1.248. Xe có đăng ký mang tên chủ sở hữu: Vũ Văn C1, có chìa khóa xe.
 - Trả lại cho Lê Minh H4 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu trắng xám, xe không có chìa khóa, không có gương chiếu hậu, xe đã qua sử dụng, gắn BKS: 36D1-375.60, dung tích xi lanh 109, số máy JA32E1189379, số khung: RLHJA3219EY100325, sản xuất năm 2016, đăng ký lần đầu ngày 01/8/2016; Xe không có đăng ký.
 - Trả lại cho **Nguyễn Hữu A** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI: 356084092919230;
 - Trả lại cho Đỗ Hữu T4 03 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng, đã qua sử dụng, có số IMEI: 353317079014776; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215, model: TA -1284, màu xanh, đã qua sử dụng, số imei1: 353196110353091, imei2: 353198110833198 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216, model: RM – 1187, màu đen, đã qua sử dụng, số số imei1: 358985090778812, imei2: 358985094778818.

- Chuyển trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Winner, màu sơn trắng đen, xe không có cánh yếm, không có chìa khóa xe, đã qua sử dụng, không gắn biển kiểm soát; số máy KC26E1064178, số khung RLHKC2606GY040470, dung tích xi lanh: 149, đăng ký lần đầu ngày 23/3/2017 (không có giấy chứng nhận đăng ký xe) để tiến hành điều tra, xác minh làm rõ về chủ sở hữu hợp pháp và xử lý theo quy định.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 36 ngày 05/5/2023.

4. Về án phí: Các bị cáo Tổng Bá C, Lê Nam A1, Trần Tiến D, Nguyễn Hữu A, Quách Anh T2 và Vũ Văn C1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Tiến D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến